

# KIỂM NGHIỆM VÙNG HỖ TRỢ QUANH 1.240 ĐIỂM

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

**MUA**

Nhà đầu tư cần thận trọng trong việc giải ngân vào thị trường trong giai đoạn này khi vùng cân bằng chưa được xác lập.

**BÁN**

NDT duy trì trạng thái nắm giữ cổ phiếu nhưng lưu ý quản trị rủi ro cho các vị thế ngắn hạn trong danh mục nếu VN-Index giảm xuống dưới các vùng hỗ trợ 1.235-1.240 điểm.

# VCB

THEO DÕI

↑ 7,91%

VND98.200

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Hai (6/1), đánh dấu phiên tăng thứ hai liên tiếp và cho thấy dấu hiệu hồi phục.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Xu hướng điều chỉnh quay trở lại sau khi chỉ số VN-Index không giữ được đường giá trung bình 200 ngày. Rủi ro cần lưu ý trong giai đoạn này là việc chỉ số DXY neo cao có thể khiến tỷ giá trong nước tiếp tục chịu áp lực và khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trở lại trong giai đoạn đầu năm mới. Nhà đầu tư cần thận trọng trong việc giải ngân vào thị trường và chú ý các mốc chặn lồi/ cắt lỗ để quản trị rủi ro cho tài khoản, trước khi thị trường tìm được điểm cân bằng cung cầu rõ ràng hơn.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.706,56	-0,06	0,38
S&P 500	5.975,38	0,55	1,59
Nasdaq	19.864,98	1,24	2,87
VIX	16,04	-0,56	-7,55
DAX	20.216,19	1,56	1,54
FTSE 100	8.249,66	0,31	0,94
CAC40	7.445,69	2,24	0,88
Hang Seng	19.501,45	-0,95	-2,78

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	40,61	SELL
MACD (12,26)	1,68	BUY
ADX (14)	12,54	SELL
SMA5	1.261,89	SELL
SMA20	1.265,15	SELL
SMA50	1.252,78	SELL
SMA100	1.262,97	SELL
SMA200	1.259,83	SELL

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Mối lo về đường đi lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) vẫn đang phủ bóng lên tâm trí nhà đầu tư. Phản ánh mối lo này, lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm tăng vượt mức 4,6% trong phiên ngày thứ Hai, trước khi những số liệu kinh tế Mỹ quan trọng được công bố trong tuần này, đặc biệt là báo cáo việc làm tháng 12 vào ngày thứ Sáu.
- Theo dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của sàn giao dịch CME, giới đầu tư đang đặt cược khả năng hơn 91% Fed giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp vào ngày 29/1 tới.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London giảm 0,21 USD/thùng, tương đương giảm 0,27%, còn 76,3 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York giảm 0,4 USD/thùng, tương đương giảm 0,54%, còn 73,56 USD/thùng.
- Theo dữ liệu Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, tại 31/12/2024, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của cá nhân trong nước đạt 9,23 triệu đơn vị (xấp xỉ 9,1% dân số).
- Theo số liệu vừa công bố của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 4/2024 ước tính tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy GDP cả năm 2024 ước tăng 7,09% so với năm 2023.
- Theo Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân quý 4/2024 tăng 2,87% so với quý 4/2023. Tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.
- Trong năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD, thấp hơn mức xuất siêu 28,4 tỷ USD của năm 2023.
- Năm 2024, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 8,4%, gấp 6,5 lần mức tăng của năm trước và cao nhất kể từ năm 2020 đến nay. Tính riêng quý IV, ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước.
- HAH:** Ngày 31/12/2024, Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Leadvisors tiếp tục mua thêm 643.800 cổ phiếu HAH để nâng sở hữu từ 10,85% lên 11,38% vốn điều lệ.
- Trong thư chúc mừng năm mới của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hoá chất Việt Nam thông tin năm 2024, tập đoàn ghi nhận doanh thu hợp nhất gần 58.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế gần 2.900 tỷ đồng. Năm 2024, tập đoàn lên kế hoạch doanh thu 56.497 tỷ đồng, lợi nhuận 2.430 tỷ đồng. Như vậy, Vinachem đã vượt cả hai chỉ tiêu năm.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.638,67	0,08	0,54
Dầu WTI	73,25	-0,42	2,13
Dầu Brent	76,04	-0,34	1,88
Than	119,75	-3,04	-4,39
Đồng	9.003,00	1,43	2,68
Quặng sắt	96,90	-2,19	-7,56
Thép	464,00	0,00	-2,47

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	108,395	0,13	-0,08
USD/JPY	158,39	-0,49	-0,75
USD/CNY	7,329	-0,01	-0,41
EUR/USD	1,0377	-0,13	0,22
GBP/USD	1,2507	-0,10	-0,07

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
STB	348,01	36.250	0,42
FPT	517,72	149.300	0,20
HPG	402,76	26.050	-2,07
SSI	251,31	24.900	-1,78
DXG	155,10	14.750	-2,07

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	519.226,58	92.900	0,98
BID	267.623,59	38.800	1,57
FPT	219.630,63	149.300	0,20
CTG	199.763,69	37.200	0,00
HPG	166.622,32	26.050	-2,07

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# VCB

## Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

## THEO DÕI

92.900

98.200

7,91%

90.000-91.000

<86.500

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, VCB lãi trước thuế hơn 31.533 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ.
- Tổng tài sản Ngân hàng tính đến cuối quý 3 tăng 5% so với đầu năm, lên hơn 1,93 triệu tỷ đồng. Trong đó, tiền gửi tại NHNN giảm mạnh 76%, còn 13.749 tỷ đồng. Cho vay khách hàng tăng 10% lên hơn 1,4 triệu tỷ đồng.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- VCB đang tạo vùng dao động tích lũy đi ngang trên đường MA50 ngày. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân đối với cổ phiếu VCB, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 90.000-91.000 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	68.061	67.592	16.797
LNTT (tỷ đ)	37.368	41.244	10.699
LNST (tỷ đ)	29.919	33.054	8.572
Nợ/VCSH (%)	232	138	0
ROE (%)	21,71	20,27	19,82
ROA (%)	1,85	1,81	1,89
EPS (VNĐ)	4.751	5.449	6.195
P/E (lần)	14,3	14,7	15,00
P/B (lần)	2,79	2,72	2,73

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	53,71	BUY	
MACD (12,26)	-0,17	NEUTRAL	
ADX (14)	11,48	BUY	
SMA5	92.000	BUY	
SMA20	92.750	BUY	
SMA50	92.500	BUY	
SMA100	91.830	BUY	
SMA200	90.850	BUY	

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			-1,38%
2	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			-0,57%
3	VCI	Cơ cấu	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			-3,58%
4	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			-1,70%
5	PVD	Mua	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4			-1,50%
6	VPB	Mua	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9			-1,05%
7	TCB	Nắm giữ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7			-0,84%
7	SZC	Mua	41-42	19/12/2024	42	45,8	40			-1,67%
8	SSI	Cơ cấu	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8			-3,49%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
6	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
7	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
8	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
9	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
10	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
11	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
12	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
13	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
14	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
15	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.



### TƯ VẤN ĐẦU TƯ

#### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 10/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đuối 14	-12%
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%

  

Mã CP	MSSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	(Có thể DCA về 41-42)	-6.5%
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Nằm giữ	

  

Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	18.8	-4.4%
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

### CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕶️ 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (4.15%)

#### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

### THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập [ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)